

Bản án số: 338/2020/HS-PT  
Ngày: 18-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Khoa

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Phan Nhựt Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phong Lưu, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 617/2018/TLPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo Lưu Đ. Ph. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 312/2020/QĐPT-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020.

**- Bị cáo bị kháng cáo:**

Họ và tên: Lưu Đ. Ph, sinh năm 1982 tại tỉnh Hậu Giang; Nơi đăng ký thường trú: ấp 5, xã V.T.Đ, huyện L.M, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: 52 L.T.H.G, phường T.A, quận B.T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không ; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu V.M và bà Huỳnh H.S; Có vợ là Trần Thị Y.N và có 01 người con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 26/9/2016 (có mặt).

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trần Vũ Thanh Toàn là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Khanh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

**- Người bị hại:**

1. Ông Nguyễn V.Tr; Nơi đăng ký thường trú: R43, Đường số 8, KDC H.P, phường H.T, quận C.R, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn V.Tr:* Bà Hồ T.Tr; Địa chỉ cư trú: số 378E12/7A, KV3, phường A.K, quận N.K, thành phố Cần Thơ (văn bản uỷ quyền ngày 30/8/2019, có mặt).

2. Ông Trần V.Ng; Nơi đăng ký thường trú: Khu vực Thới Thạnh Đông, phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2014, Lưu Đ. Ph và ông Nguyễn V.Tr góp vốn để thành lập cơ sở kinh doanh Phương Nam tại địa chỉ tại khu vực Thới Đông, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ; ngành nghề kinh doanh là thuốc thú y, thủy sản. Vốn góp ban đầu mỗi người 100.000.000 đồng. Ph có nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý thu, chi, thủ quỹ của công ty, giao dịch mua bán với khách hàng; còn ông Tr quản lý sổ sách, chứng từ thu, chi, xuất, nhập kho.

Đến ngày 05/02/2015, Ph rút Trần V.N hùn vốn để kinh doanh thuốc thú y, thủy sản và được Ngọc đồng ý. Trong quá trình kinh doanh, Ph nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Truyền và Ngọc nên Ph luôn thông báo việc kinh doanh có lãi nên Truyền và Ngọc tin tưởng nhiều lần đưa tiền cho Ph để Ph chiếm đoạt tổng số tiền là 2.096.655.000 đồng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Tháng 5/2015, Ph có ý định chiếm đoạt tiền của ông Tr nên nói dối là việc kinh doanh đang có lợi nhuận và yêu cầu ông Tr tiếp tục đưa tiền cho Ph để đầu tư kinh doanh. Ông Tr nhiều lần đưa tiền cho Ph. Để ông Tr tin tưởng, Ph lập các chứng từ không có thật, thể hiện 17 khách hàng còn đang nợ cơ sở kinh doanh Phương Nam, với số tiền là 6.942.400.000 đồng. Đến khoảng tháng 02/2016, ông Tr yêu cầu Ph đưa tiền để trả cho những người đã vay mượn trước đó thì Ph thừa nhận đã chiếm đoạt của ông Tr, số tiền 1.485.405.000 đồng.

Vụ thứ hai: Trong thời gian từ tháng 02/2015 đến tháng 12/2015, Ph nói dối với ông Ng có nhiều khách hàng mua thuốc thú y, thủy sản và Ph ghi số lượng thuốc, quy ra thành tiền rồi kêu ông Ng nhiều lần đưa cho Ph với số tiền là 1.122.525.000 đồng. Để ông Ng tin tưởng, Ph báo với ông Ng việc kinh doanh có lãi và có trả cho ông Ng số tiền 511.275.000 đồng, Ph chiếm đoạt 611.250.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu giữ của Lưu Đ. Ph 01 điện thoại di động FPT BUK, số IMEI 1: 980029002591371, số IMEI 2: 980029002631771;

Thu giữ của ông Nguyễn Văn P 01 USB màu bạc-đỏ hiệu Apacer dung lượng 8G.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKS-P3 ngày 11/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố Lưu Đ. Ph về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999,

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Đ. Ph phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Lưu Đ. Ph 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 26/9/2016.

Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 và các Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự,

Bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn V.Tr 1.485.405.000 đồng và ông Trần V.N 611.250.000 đồng.

Nếu chậm thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Hà Minh H, bà Trần Thị T, ông Nguyễn Bửu L, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Văn P, bà Dương Thị Hồng H, bà Lê Huỳnh Tú Q, bà Nguyễn Kim V thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 27/9/2018, bị cáo Lưu Đ. Ph kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lưu Đ. Ph thừa nhận, trong quá trình làm ăn với nhau, bị cáo có chiếm đoạt tiền của ông Tr và ông Ng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt tổng cộng 2.096.655.000 đồng là không đúng, vì số tiền này chưa trừ đi số tiền chi phí, được ghi chép trong 19 trang tài liệu mà Luật sư của bị cáo đã nộp cho Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm. Bị cáo đề nghị trừ số tiền này và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bà Hồ T.Tr là người đại diện hợp pháp của ông Trần V.N yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Bị cáo Lưu Đ. Ph đã có hành vi thuê người lập không 17 bộ hồ sơ, chứng từ xuất, nhập kho không, để ông Tr và ông Ng tin rằng việc hùn vốn làm ăn là có lãi và tiếp tục đưa tiền vốn cho bị cáo, dẫn đến việc bị cáo chiếm đoạt của hai người tổng cộng là 2.096.655.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a

khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với 19 trang tài liệu mà Luật sư của bị cáo nộp cho Hội đồng xét xử phúc thẩm, đã có trong hồ sơ vụ án nên việc bị cáo đề nghị trừ đi số tiền này là không có căn cứ.

Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và tuyên phạt bị cáo 14 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, không nặng như đơn kháng cáo của bị cáo đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến như sau: Bị cáo và các ông Tr, Ngọc cùng hùn hạp với nhau, mở cửa hàng kinh doanh, cùng nhau vay thêm tiền của nhiều người khác. Ông Tr thừa nhận có nhận tiền lãi từ bị cáo Ph. Số tiền ông Tr giao cho bị cáo là ngay tình, việc bị cáo chiếm đoạt là có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chứ không phải “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Mặt khác, bản án sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt tổng cộng 2.096.655.000 đồng là không đúng, vì số tiền này chưa trừ đi số tiền chi phí, được ghi chép trong 19 trang tài liệu mà Luật sư đã nộp cho Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm. Do đó, bản án sơ thẩm chưa làm rõ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

Phản đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Lưu Đ. Ph đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lưu Đ. Ph làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lưu Đ. Ph, xét thấy:

[2.1] Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo thừa nhận có góp vốn cùng với ông Nguyễn V.Tr và ông Trần V.N, để kinh doanh thuốc thú y. Bị cáo có nhiệm vụ giao dịch, mua bán với khách hàng; ông Tr và ông Ng chỉ quản lý trên sổ sách. Để có tiền chi xài cá nhân và trả nợ bên ngoài, bị cáo đã thuê người lập khống 17 bộ chứng từ xuất, nhập kho, thể hiện việc kinh doanh có lãi, làm cho ông Tr, ông Ng tin tưởng, tiếp tục góp vốn, để bị cáo chiếm đoạt tổng cộng 2.096.655.000 đồng.

Lưu Đ. Ph là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được rằng, việc sử dụng thủ đoạn gian dối, làm cho người có tài sản, tin tưởng giao tài sản, nhằm chiếm đoạt là phạm tội và sẽ bị pháp luật trừng trị. Nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho những người khác, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Ph về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng, giữa bị cáo và người bị hại có quan hệ cùng góp vốn để kinh doanh, các bị hại giao tài sản cho bị cáo một cách ngay tình và bị cáo đã chiếm đoạt. Nên cho rằng hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chứ không phải “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không có căn cứ để chấp nhận, bởi nhận định ở trên.

[2.2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo Ph, nộp cho Hội đồng xét xử bản chính 19 tài liệu do bị cáo ghi chép lại các khoản chi phí trong quá trình kinh doanh và yêu cầu được trừ vào tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy, các tài liệu mà Luật sư cung cấp, chính là các bút lục số 377, 378, 379, 380, 381, 383, 451, 426 có trong hồ sơ vụ án, đã được Cơ quan điều tra tổng hợp, đối chiếu, đối chất giữa bị cáo và những người bị hại. Do đó, việc bị cáo yêu cầu trừ các chi phí trong 19 tài liệu này vào số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông Tr, ông Ng là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng tình tiết tăng nặng hình phạt “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tuyên phạt bị cáo 14 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân của bị cáo, không nặng như yêu cầu kháng cáo của bị cáo đã nêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó kháng cáo của bị cáo, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lưu Đ. Ph phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Đ. Ph. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lưu Đ. Ph phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Bị cáo Lưu Đ. Ph 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 26/9/2016. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lưu Đ. Ph phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.